

Bản án số: **42/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: **19/7/2023**

“V/v: Yêu cầu không công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thế Anh.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Xuân Dữ và bà Phạm Thị Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 91/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về “Yêu cầu không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H, sinh năm 1974; ĐKHKTT: Xóm 10, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Hiện cư trú tại: Xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

**- Bị đơn:** Anh Trần Văn C, sinh năm 1972; ĐKHKTT và trú tại: Xóm 10, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn chị Phạm Thị H trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:**

Chị và anh Trần Văn C về chung sống với nhau từ năm 1992 tại xóm 10, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình, không làm thủ tục đăng ký kết hôn nên không được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống, chị và anh C phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do anh C chơi bời, nghiện ma túy, thường xuyên chửi bới, xúc phạm, đánh đập đe dọa chị. Chị đã nhiều lần khuyên giải, nhưng chỉ được một thời gian ngắn anh C lại tái nghiện. Thời gian khoảng 4 năm trở lại đây, anh C nghiện nặng hơn. Bản thân chị không thể chịu đựng được nữa. Từ cuối năm 2021, chị và anh C đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm

anh chị không còn, không thể chung sống với nhau được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh C là vợ chồng.

Về con chung: Chị xác định chị và anh C có 01 con chung là Trần Thế D, sinh năm 2000. Hiện con chung đã trưởng thành tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản: Chị và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Trần Văn C tại biên bản sự việc ngày 09/5/2023 và ngày 26/5/2023 thể hiện:**

Tại thời điểm tòa án thụ lý vụ án, anh C có mặt tại địa phương, đã nhận thông báo thụ lý vụ án, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, Tại buổi làm việc đã gọi điện thoại cho anh C, qua trao đổi anh cho biết anh đã được biết việc chị H có yêu cầu giải quyết không công nhận vợ chồng với anh, anh không đồng ý giải quyết yêu cầu này vì anh và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã A nên chị H có yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn, còn nếu yêu cầu không công nhận vợ chồng thì anh không nhất trí. Về bản gốc giấy chứng nhận kết hôn thì do thời gian đã lâu nên anh không còn giữ được; anh đề nghị Tòa án xác minh tại UBND xã A.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Trần Thế D là con nuôi, sinh năm 2001 đã trưởng thành, tự lập, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung anh C cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc nên anh C yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh theo quy định của pháp luật. Anh C sau đó bỏ đi khỏi địa phương không tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng của Tòa án cho anh C theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: Nguyên đơn, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14: Không công nhận là vợ chồng giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Văn C; chị H phải nộp án phí yêu cầu không công nhận vợ chồng sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết việc không công nhận vợ chồng với anh Trần Văn C, cư trú tại xóm 10, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

Bị đơn anh Trần Văn C đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Theo chị Phạm Thị H trình bày chị và anh Trần Văn C về chung sống với nhau từ năm 1992 không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống của anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh C chơi bời, nghiện ma túy, thường xuyên chửi bới, xúc phạm, đánh đập đe dọa chị nên anh chị đã không sống chung cùng nhau từ năm cuối năm 2021.

Về phía anh C anh cũng xác nhận vợ chồng về chung sống với nhau từ năm 1992, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A nhưng anh không cung cấp được tài liệu chứng minh có đăng ký kết hôn từ năm 1992. Nhưng anh cũng xác nhận do bất đồng quan điểm sống, lối sống, không có được tiếng nói chung nên anh và chị H đã sống ly thân không còn quan tâm tới nhau.

Căn cứ vào các chứng cứ do chị H cung cấp là đơn đề nghị đề ngày 12/4/2023 có xác nhận của UBND xã A xác nhận UBND xã không còn lưu trữ các hồ sơ đăng ký kết hôn và sổ đăng ký kết hôn vào thời điểm năm 1991. Đơn đề nghị đề ngày 12/4/2023 có xác nhận của UBND xã K là quê gốc của chị H xác nhận UBND xã không còn lưu trữ hồ sơ đăng ký kết hôn và sổ đăng ký kết hôn năm 1991.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định anh C và chị H không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do mâu thuẫn trong cuộc sống chung không thể khắc phục được, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, vì vậy yêu cầu không công nhận họ là vợ chồng của chị H theo quy định tại điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: chị Phạm Thị H và anh Trần Văn C đều xác định chỉ có 01 con nuôi chung là Trần Thế D, sinh năm 2001, hiện đã thành niên nên chị H và anh C không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị H trình bày chị và anh Trần Văn C sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung. Anh C không có ý kiến phản đối. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề tài sản chung

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị H phải nộp toàn bộ án phí không công nhận vợ chồng sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Không công nhận vợ chồng giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Văn C.

**2.** Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ án phí không công nhận vợ chồng sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA4903 ngày 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- UBND xã K;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Phạm Thế Anh**